

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-01-2024.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*
và con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hưng Quang**

2. Ông **Phạm Văn Minh**

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-12-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 11-01-2024, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phạm Thị T1**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: khu phố 5, TT Liên Hương, huyện TP, BT.

- Bị đơn: **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: khu phố 1, TT Liên Hương, TP, BT.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn Phạm Thị T1 trình bày: bà Trúc và ông Tiến tìm hiểu nhau một thời gian, tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2019, đến năm 2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 183, ngày 06-8-2020. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nên sống chung không có hạnh phúc. Bà Trúc từng đề nghị ly hôn, ông Tiến hứa thay đổi nhưng không thực

hiện được. Do hôn nhân không còn khả năng hàn gắn nên bà Trúc yêu cầu ly hôn với ông Tiến. Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 02-5-2020 đang do bà Trúc trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Tiến phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, bà Trúc trình bày không có.

2. Đối với bị đơn- ông Nguyễn Ngọc T2, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Tiến từ chối không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tiến không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Phạm Thị T1 có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà với ông Nguyễn Ngọc T2 - có nơi thường trú tại khu phố 01, thị trấn Liên Hương, huyện TP, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu ông Tiến đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông Tiến không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Ngọc T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Phạm Thị T1 và ông Nguyễn Ngọc T2 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 183/2020, ngày 06-8-2020 nên hôn nhân giữa bà Trúc và ông Tiến là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Tiến đến giải quyết nhưng ông Tiến không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Tiến không có thiện chí và không có

mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Trúc và ông Tiến không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trúc.

[3] Về con chung: 01 (một) con chung tên Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 02-5-2020, đang do bà Trúc trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tiến không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử sẽ giao con chung cho bà Trúc tiếp tục nuôi. Bà Trúc không có yêu cầu ông Tiến phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Tiến.

[4] Tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T1 đối với ông Nguyễn Ngọc T2. Giấy chứng nhận kết hôn số 183/2020, ngày 06-8-2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện TP, BT hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Anh, sinh ngày 02-5-2020 cho bà Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc T2 không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Phạm Thị T1 không yêu cầu. Ông Nguyễn Ngọc T2 được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: bà Phạm Thị T1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020177, ngày 13-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: bà Phạm Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26-01-2024), ông Nguyễn Ngọc T2 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND BT;
- VKSND TP;
- THADS huyện TP;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền